

Tên:

Week: 2

Lớp: S5...

Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../....

Độc HW:

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../....



UNIT 1: COMMON ADJECTIVE PHRASES & REVIEW PRESENT SIMPLE

A. THEORY

I. GRAMMAR

Adjective + Preposition Phrases

(Cụm tính từ + giới từ)

CẤU TRÚC CHUNG



**S + be + adjective +
preposition + noun / V-ing**

LƯU Ý



Chúng ta dùng các
cụm này để nói về
cảm xúc và ý kiến.

CÁC CỤM TÍNH TỪ + GIỚI TỪ PHỔ BIẾN

1 worried about
lo lắng về



She is worried
about the test.

2 shocked by
bị sốc bởi



He was shocked
by the news.

3 interested in
quan tâm đến / thích



I am interested in
reading books.

4 pleased with
hài lòng với



She is pleased
with her work.

5 excited about
hào hứng về



They are excited
about the trip.

6 curious about
tò mò về



He is curious
about space.

7 happy about
vui về



I am happy
about my result.

8 sad about
buồn về



She is sad
about the story.

CỤM ĐẶC BIỆT

9 ready to
sẵn sàng để



CẤU TRÚC

S + be + ready to + V

VÍ DỤ

We are ready to go.



II. GRAMMAR REVISION



PRESENT SIMPLE – VERB & TO BE

Thì hiện tại đơn



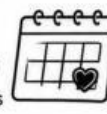
Cách dùng

- Diễn tả thói quen, việc lặp lại mỗi ngày.
- Diễn tả sự thật hoặc điều luôn đúng.



Dấu hiệu nhận biết

- always, usually, often, sometimes
- every day, every week, on Mondays



1. TO BE

A. Positive

Công thức:

S + am / is / are + ...

B. Negative

Công thức:

S + am / is / are + not + ...

C. Questions

Công thức:

Am / Is / Are + S + ...?



Dùng với tính từ, tuổi, nghề nghiệp, nơi chốn...

2. VERB (động từ thường)

A. Positive

Công thức:

I / You / We / They / N số nhiều + V + ...

He / She / It / N số ít + V-s/es + ...

B. Negative

Công thức:

I / You / We / They / N số nhiều + do not + V + ...

He / She / It / N số ít + does not + V + ...

C. Questions

Công thức:

Do + I / you / we / they / N số nhiều + V + ...?

Does + he / she / it / N số ít + V + ...?



Dùng với hành động, thói quen, sở thích...

III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/CCWeO2wYuwurDtzzUO>

No.	New word	Meaning	Picture
1	university (n)	trường đại học	
2	offer (v)	đề nghị	
3	in fact (phr)	thực ra	

No.	New word	Meaning	Picture
4	course (n)	khóa học	
5	look for (phr)	tìm kiếm	

*Note: n = noun: danh từ, v = verb: động từ, phr = phrase: cụm từ.

B. HOMEWORK

GRAMMAR (15 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục III. EXTRA VOCABULARY (trang 2) một dòng vào vở.

II. Choose the correct answer.

0. She is worried _____ the English test.

A. in

☒ B. about

C. with

1. My brother is very interested _____ reading comic books.

A. about

B. in

C. to

2. We are excited _____ our picnic this weekend.
A. about B. by C. with
3. Little Nam is curious _____ the new toys on the table.
A. in B. about C. to
4. My parents are very pleased _____ my good test results.
A. with B. to C. in
5. Are you ready _____ go to school now?
A. to B. with C. in

III. Fill in each blank with a suitable phrase from the box.

worried about	happy about	shocked by	sad about	scared of	excited about
---------------	-------------	------------	-----------	-----------	--------------------------

0. Tomorrow is my birthday, so I am very excited about my party!
1. Linh lost her favorite toy yesterday, so she is very _____ it.
 2. Everyone was _____ the surprising news.
 3. I received a new bicycle for my birthday, so I am really _____ my present.
 4. Little children often cry in the dark because they are _____ monsters.
 5. She didn't study, so she is _____ her exam.

IV. Rewrite the sentences using the given words in the Present Simple.

0. Nam / play / football / every Sunday.

→ Nam plays football every Sunday.

1. The teacher / speak / English / in class.

→ _____

2. You / like / watching / cartoons / ?

→ _____

3. My brother / not / watch / TV / in the morning.

→ _____

4. Mai / not / be / sad / her / bad marks.

→ _____

5. Mai and Lan / go / to school / by bike.

→ _____

READING PRACTICE (7 questions)

For each question, choose the correct answer.

		Angus	Frank	Zac
7	Who needed help with the internet on his first day?	A	B	C
8	Who felt sad when his parents went home?	A	B	C
9	Who took something to university to help him make friends?	A	B	C
10	Who started university later than other students?	A	B	C
11	Who is still friends with someone he met on his first day at university?	A	B	C
12	Who thinks he has changed since he started university?	A	B	C
13	Who met other new students online before starting university?	A	B	C

Making friends at university

Angus



My university has an internet group for new students, which I joined before I went. One person on there said that on her sister's first day, she brought sweets from home to offer to everyone she met, as a way to start a conversation. I thought that was a good idea, so I did the same. It worked, but in fact, the really good friends I have now are all people I met a few weeks later.

Frank



I live at my university, and Mum and Dad drove me here on my first day. After they left, I felt terrible. I sat alone looking at photos of friends from home. But later, I went to a talk about all the university clubs, and I really enjoyed it. Clubs are a great way to meet people, and if you're going to university, you should join some. They helped me a lot. Before I came to university, I was a quiet person, but these days I can talk to people more easily.

Zac



I was away on holiday with my parents for the first week of my university course, so I missed all of the activities where people make friends. On that first morning, I couldn't get online, so I went looking for someone who knew what to do. The student I found got my wi-fi working and is now my best friend. I've also met lots of people because of him. Mum and Dad say I've grown up since I started university, but I'm not sure.